



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN  
KHOA DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN  
Biên soạn: TS. TRẦN THỊ MINH HÒA

Giáo trình

# THANH TOÁN QUỐC TẾ TRONG DU LỊCH



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN  
KHOA DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN**

*Biên soạn:* TS. TRẦN THỊ MINH HOÀ

***Giáo trình***

**THANH TOÁN QUỐC TẾ  
TRONG DU LỊCH**

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN  
HÀ NỘI - 2006

## LỜI NÓI ĐẦU

*Thanh toán quốc tế là một khâu hết sức quan trọng trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích kinh tế và có thể gây ra rủi ro cho các bên đối tác.*

*Từ khi nền kinh tế Việt Nam chuyển đổi cơ chế từ tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường và nhất là từ khi Hội đồng Tương trợ Kinh tế (Comecom) của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa cũ tan rã, hoạt động thanh toán quốc tế của Việt Nam có những thay đổi cơ bản.*

*Kinh doanh Du lịch quốc tế là một bộ phận thuộc hệ thống thương mại quốc tế, song lại có những nét đặc trưng riêng biệt chi phối toàn bộ hoạt động kinh doanh nói chung, cũng như hoạt động thanh toán quốc tế trong du lịch nói riêng.*

*Ngành du lịch Việt Nam tuy còn non trẻ nhưng đã có những bước phát triển nhanh cả về chất và lượng, đã đóng góp những thành tựu đáng kể cho nền kinh tế quốc dân. Hoạt động kinh doanh du lịch quốc tế ngày càng đón được nhiều khách và tăng doanh thu bằng ngoại tệ, góp phần tích cực bình ổn cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đến năm 2020 ngành Du lịch được định hướng phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn. Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng của ngành Du lịch Việt Nam là phải phát triển có hiệu quả cao và hòa nhập với xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.*

*Thực tế đó đòi hỏi sự phát triển liên tục cả về lý luận và thực tiễn những kiến thức về quản trị kinh doanh du lịch nói chung, cũng như về thanh toán quốc tế trong du lịch nói riêng.*

*Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và yêu cầu của công tác đào tạo sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh Du lịch, Khoa Du lịch và Khách sạn, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã cho biên soạn cuốn giáo trình “**Thanh toán quốc tế trong Du lịch**” nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế trong du lịch; tạo lập cho sinh viên những cơ sở lý luận và phát triển những kỹ năng thực hành, giúp họ nắm bắt được các nghiệp vụ thanh toán quốc tế trong du lịch nói chung, cũng như những nét đặc trưng của hoạt động thanh toán quốc tế trong du lịch ở Việt Nam. Đây là sự tiếp nối các kiến thức đã được trang bị trước đó cho sinh viên từ các môn học: Lý thuyết tài chính tiền tệ, Kinh tế quốc tế, Kinh tế du lịch, Kinh doanh khách sạn, Kinh doanh lễ hành...*

*Cuốn sách lần đầu tiên được biên soạn nên dù tác giả đã rất cố gắng cũng không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý từ bạn đọc và xin chân thành cảm ơn.*

TS. TRẦN THỊ MINH HÒA

## CHƯƠNG 1

# TỶ GIÁ HỐI ĐOÀI

### *Mục tiêu của chương:*

Sau khi học xong chương này người học cần nắm được những kiến thức cơ bản như sau:

- + Bản chất và các thành phần của ngoại hối.
- + Bản chất của tỷ giá hối đoái.
- + Cơ sở chính để xác định tỷ giá hối đoái.
- + Các nhân tố tác động ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái.
- + Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến du lịch.
- + Các chính sách điều tiết vĩ mô của ngân hàng trung ương đối với tỷ giá hối đoái.
- + Biết được ký hiệu theo ISO của một số đồng tiền được trao đổi phổ biến tại Việt Nam.
- + Biết được cách xác định tỷ giá theo phương pháp tính chéo.
- + Biết được cách làm bài tập chuyển đổi trong lĩnh vực kinh doanh lữ hành và kinh doanh khách sạn.

### **1.1. Khái niệm về ngoại hối**

Ngoại hối là khái niệm dùng để chỉ các phương tiện thanh toán có giá trị được dùng trong trao đổi thanh toán giữa

các quốc gia với nhau. Tùy theo quan niệm của luật quản lý ngoại hối của từng quốc gia, khái niệm ngoại hối có thể không giống nhau. Theo văn bản luật về quản lý ngoại hối của nước CHXHCN Việt Nam hiện nay (Điều 4, mục 1 trong Nghị định của Chính phủ số 63/1998/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 1998 về quản lý ngoại hối), ngoại hối được hiểu bao gồm:

- *Ngoại tệ (Foreign Currency)*

- *Các phương tiện thanh toán quốc tế được ghi bằng ngoại tệ:*

- + Hối phiếu (Bill of Exchange)

- + Kỳ phiếu (Promissory Note)

- + Séc (Cheque)

- + Thư chuyển tiền (Mail Transfer)

- + Điện chuyển tiền (Telegraphic Transfer)

- + Thẻ tín dụng (Credit Card)

- + Thẻ ghi nợ (Debit Card)

- + Thư tín dụng ngân hàng (Bank Letter of Credit)

- *Các chứng khoán có giá được ghi bằng ngoại tệ:*

- + Cổ phiếu (Stock)

- + Trái phiếu công ty (Debenture)

- + Công trái quốc gia (Government Loan)

- + Trái phiếu kho bạc (Treasury Bill)

- *Vàng - tiêu chuẩn quốc tế.*

- *Đồng tiền đang lưu hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp chuyển vào và*

*chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc được sử dụng làm công cụ thanh toán quốc tế.*

## 1.2. Khái niệm về tỷ giá hối đoái

Quan hệ trao đổi theo nguyên tắc cung - cầu trên thị trường tài chính tiền tệ quốc tế dẫn đến nhu cầu cần so sánh giá trị của các đơn vị tiền tệ khác nhau. Kết quả của sự so sánh đó chính là tỷ giá hối đoái. Vậy, tỷ giá hối đoái có thể được tiếp cận hai cách như sau:

+ Tỷ giá hối đoái là khái niệm biểu thị giá cả của một đơn vị tiền tệ nước này thể hiện bằng một số đơn vị tiền tệ nước kia. Với cách tiếp cận này, trên thực tế có thể được hiểu một cách đơn giản như sau: Tại thị trường Việt Nam, tỷ giá hối đoái giữa đôla Mỹ (USD) và đồng của Việt Nam (VND) được công bố vào ngày 20 tháng 11 năm 2005 là  $USD/VND = 15.810/15.830$ , điều đó có nghĩa là giá ngân hàng mua vào 1 USD là 15.810 VND và giá ngân hàng bán ra 1USD là 15.830 VND.

+ Tỷ giá hối đoái là khái niệm biểu thị mối quan hệ so sánh trên thị trường giữa giá trị của hai loại tiền tệ của hai quốc gia với nhau.

Với cách tiếp cận này trên thực tế có thể được hiểu một cách đơn giản như sau: Tỷ giá hối đoái giữa đô la Mỹ (USD) và đồng của Việt Nam (VND) được công bố vào ngày 20 tháng 11 năm 2005 là  $USD/VND = 15.810/15.830$ , điều đó có nghĩa là giá trị của 1 USD so với giá trị của 1 VND được 15.810 lần và 15.830 lần.

## 1.3. Cơ sở chính để xác định tỷ giá hối đoái

Như trên đã đề cập, tỷ giá hối đoái có thể được hiểu là mối quan hệ so sánh giữa giá trị của hai tiền tệ của hai quốc gia với nhau. Như vậy, cơ sở để xác định tỷ giá hối đoái giữa hai

tiền tệ chính là mối tương quan giữa giá trị của hai tiền tệ đó với nhau.

Trong chế độ bản vị vàng, tiền tệ của mỗi quốc gia được lưu thông theo một cơ chế gồm những điều kiện cơ bản sau:

+ Tự do đúc những đồng tiền vàng theo chuẩn quy định về trọng lượng và chất lượng vàng. Chất lượng vàng của một đồng tiền vàng là lượng vàng thường được thực hiện theo hai cách: theo 24 Karat, hoặc theo phần nghìn của một gam. Hình thức và kích cỡ của các đồng tiền vàng tại mỗi quốc gia có thể được đúc theo các cách khác nhau, nhưng điều quan trọng nhất để tạo điều kiện thuận lợi trong lưu thông là chúng phải được đúc với cùng trọng lượng.

+ Giấy bạc ngân hàng hoặc những đồng tiền được đúc bằng các kim loại khác được đổi tự do ra vàng, dựa vào hàm lượng vàng của chúng. Trên thực tế, việc chuyển đổi đó được thực hiện tại hệ thống ngân hàng trung ương, nơi phát hành những đồng tiền đó. Với mục đích như vậy, các ngân hàng trung ương phải có đủ lượng vàng, thông thường tương đương khoảng 25 đến 30% giá trị của những giấy bạc ngân hàng và những đồng tiền kim loại khác đã được phát hành vào lưu thông.

+ Tự do nhập và xuất vàng vào và ra khỏi biên giới.

Với cơ chế như vậy, tỷ giá hối đoái trong chế độ bản vị vàng được xác định tương đối đơn giản. Tỷ giá hối đoái là quan hệ so sánh hai đồng tiền vàng của hai nước với nhau, hoặc là so sánh hàm lượng vàng của hai đồng tiền hai nước với nhau. Việc so sánh hàm lượng vàng của hai tiền tệ với nhau được gọi là ngang giá vàng (gold parity).



Như vậy, trong chế độ bản vị vàng cơ sở chính để xác định tỷ giá hối đoái giữa hai tiền tệ với nhau là việc so sánh hàm lượng vàng của hai tiền tệ đó với nhau. Hay nói cách khác, ngang giá vàng của tiền tệ là cơ sở chính hình thành tỷ giá hối đoái trong chế độ bản vị vàng.

Ví dụ: Hàm lượng vàng của một bảng Anh (GBP) là 2,488281 gam vàng nguyên chất và của một đô la Mỹ (USD) là 0,888671 gam vàng nguyên chất, do đó tỷ giá hối đoái giữa GBP và USD là:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ giá hối đoái GBP/USD} &= \frac{\text{Giá trị của GBP}}{\text{Giá trị của USD}} = \frac{\text{Hàm lượng vàng của GBP}}{\text{Hàm lượng vàng của USD}} \\ &= \frac{2,488281}{0,888671} = 2,80 \end{aligned}$$

Tỷ giá hối đoái trên thị trường trong chế độ bản vị vàng dao động xung quanh ngang giá vàng, phụ thuộc vào quan hệ giữa cung và cầu về ngoại tệ trên thị trường. Trong trường hợp cầu về ngoại tệ trên thị trường một quốc gia tăng, có thể do nhập khẩu gia tăng, cán cân thanh toán quốc tế của quốc gia đó bị thâm hụt thì tỷ giá hối đoái sẽ tăng vượt điểm ngang giá vàng giữa đồng ngoại tệ và đồng bản tệ. Trong chế độ bản vị vàng sự dao động của tỷ giá hối đoái đối với điểm ngang giá vàng có những giới hạn quy định, được gọi là điểm vàng. Những quy định giới hạn đó phụ thuộc vào những chi phí để vận chuyển vàng. Trong trường hợp cán cân thanh toán quốc tế của một quốc gia bị thâm hụt, tỷ giá hối đoái sẽ đạt điểm vàng trên (điểm xuất khẩu). Trong trường hợp này, việc thanh toán thường được thực hiện bằng ngoại tệ thay cho vàng. Ngược lại, trong trường hợp cán cân thanh toán quốc tế của một quốc gia thặng dư, tỷ giá hối đoái sẽ đạt điểm vàng dưới (điểm nhập

khẩu). Trong trường hợp này các nhà xuất khẩu sẽ có lợi hơn khi được thanh toán bằng vàng thay cho ngoại tệ.

Trong chế độ lưu thông tiền giấy, tiền đúc trong lưu thông không còn nữa, giấy bạc ngân hàng không được đổi tự do ra vàng. Tiền tệ được phát hành không còn được đảm bảo bằng vàng. Do vậy, ngang giá vàng không còn là cơ sở để xác định tỷ giá hối đoái.

Việc so sánh giá trị của hai đồng tiền với nhau được thực hiện thông qua sự so sánh sức mua của hai tiền tệ với nhau, gọi là ngang giá sức mua của tiền tệ (Purchasing Power Parity).

Ví dụ: Một hàng hoá A tại Mỹ có giá là 100 USD, tại Trung Quốc có giá là 825 nhân dân tệ (CNY).

Ngang giá sức mua giữa USD và CNY là:

$$USD / CNY = \frac{825}{100} = 8,25$$

Đây là tỷ giá hối đoái giữa USD và CNY.

Trong chế độ lưu thông tiền giấy, việc xác định tỷ giá hối đoái phức tạp hơn nhiều so với trong chế độ bản vị vàng. Tỷ giá hối đoái trên thị trường bị dao động dưới tác động của rất nhiều nhân tố khác nhau.

#### 1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái

Trong chế độ lưu thông tiền giấy ngày nay, tỷ giá hối đoái trên thị trường biến động liên tục, dưới tác động của nhiều nhân tố khác nhau.

Những nhân tố chính ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái bao gồm: tốc độ lạm phát trên thị trường của hai